

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu Thanh

Ông Trần Nhật Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Dương T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị S, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Ông M có mặt, bà Trần Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Dương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Trước đây, ông có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Dương T và bà Trần Thị S nhiều lần, tính đến ngày 16/04/2020, vợ chồng ông T, bà S còn nợ lại ông số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Ngày 25/01/2021, ông có đến gặp vợ chồng ông T bà S và chốt lại số nợ nói trên, vợ chồng ông T, bà S cam kết đến tháng 6/2021 sẽ trả đủ cho ông số nợ trên nhưng khi đến hạn, ông đòi nhiều lần lại không chịu trả nên ông yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông T bà S có trách nhiệm trả cho ông số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), ông M yêu cầu trả một lần. Ngoài ra, ông M không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 25/10/2023 trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị S trình bày:

Bà thừa nhận đúng là trong nhiều năm, vợ chồng bà là đại lý cấp hai của ông M, đồng thời, vợ chồng bà cũng mua thức ăn chăn nuôi của ông để nuôi heo. Đến năm 2016 thì heo chết nhiều, bề nợ nên vợ chồng bà còn nợ của ông M số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), nay ông M khởi kiện yêu cầu trả nợ, chồng bà bận làm ăn xa không về được, nhưng vợ chồng bà thống nhất số nợ và thống nhất trả nợ cho ông M. Vì điều kiện kinh tế còn khó khăn nên vợ chồng bà xin được trả dần số nợ trên. Đồng thời bà S có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Dương T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng có nguyên đơn và bị đơn bà Trần Thị S chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Dương T không chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc vợ chồng ông Dương T, bà Trần Thị S trả cho ông M số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), ông M không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông T, bà S chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông M có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà S phải có trách nhiệm trả cho ông 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng) tiền nợ do mua thức ăn chăn nuôi và không yêu cầu trả lãi suất nên được xác định là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Bị đơn vợ chồng ông T, bà S đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Dương T được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T và bà S.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu vợ chồng ông T, bà S trả nợ cho ông và không yêu cầu lãi suất, thấy rằng: Bà S thừa nhận vợ chồng bà có mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M và còn nợ số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Xét các giấy ghi nội dung nhận nợ giữa bà S và ông M thấy rằng ông T chồng bà S không ký tên. Tuy nhiên, bà S thừa nhận vợ chồng bà là đại lý cấp hai, có mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M và còn nợ lại số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), hiện ông T đi làm ăn xa, không về được nhưng cũng thống nhất trả nợ cho ông M. Điều này cho thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa ông M và vợ chồng ông T, bà S là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông T có mặt tại Tòa để làm việc nhưng ông T không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T không có mặt để trình bày ý kiến của mình, tuy nhiên, việc mua bán này được bà S, vợ ông T thừa nhận và mục đích của việc làm ăn mua bán là để mua bán, phục vụ chi tiêu chung, trang trải cuộc sống và lo các con ăn

học. Đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình được quy định tại các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình nên buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà S là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vợ chồng ông T, bà S không trả tiền là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông M. Do đó, việc ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà S phải trả cho ông M số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu lãi suất là phù hợp theo quy định tại điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bị đơn đề nghị xin được trả dần số nợ trên không được ông M đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà S phải chịu 14.850.000 đồng ($297.000.000 \times 5\%$).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M.

Buộc vợ chồng ông Dương T và bà Trần Thị S liên đới trả cho ông Lê Văn M số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Dương T và bà Trần Thị S phải chịu 14.850.000 đồng đồng (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền 7.425.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo Biên lai thu số 0003136 ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phường